

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2022

V/v: “*tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thanh, ông Chu Quốc Đạt.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện LG.

Đại viện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 15/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/02/2022 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị TH, sinh năm 1995 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 5, xóm NH, xã QT, thành phố TN, tỉnh TN

* **Bị đơn:** Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn BK, xã TL, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hoàng Thị TH trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đoàn Văn H vào ngày 07/11/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh H ngay, vợ chồng chung sống cùng với mẹ đẻ của anh H. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến giữa năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H ham chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần; vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe, không thay đổi nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến tháng 5/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã cùng con trai chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở tại thành phố TN để ở cho đến nay, không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Anh H thỉnh thoảng có lên thăm con và nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hòa hợp được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Đoàn Văn H.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là Đoàn Minh Quân, sinh ngày 13/10/2019. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu con chung. Yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Đoàn Văn H trình bày: Anh xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như chị Hoàn trình bày là đúng. Tuy nhiên anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Hoàn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng pH ly hôn. Vì vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Hoàn. Anh muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung; đề nghị chị Hoàn cho anh thêm thời gian để sửa chữa sai lầm của mình và cũng để khẳng định mình. Trong thời gian đó nếu anh không thay đổi mà vẫn ham chơi lơ đãng như trước đây thì anh sẽ đồng ý giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Đoàn Minh Quân, sinh ngày 13/10/2019. Trường hợp nếu ly hôn thì anh đồng ý để chị Hoàn trực tiếp nuôi dưỡng con chung; đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoàn với số tiền là 2.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị TH và bị đơn là anh Đoàn Văn H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị TH cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện LG. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hoàn; bị đơn là anh H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàn, anh H theo quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị TH và anh Đoàn Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2018 tại UBND xã TL, huyện LG, tỉnh BG. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàn, anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị Hoàn, anh H đều xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi nhau và ngày càng trầm trọng; trong cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau nữa. Nguyên nhân do anh H ham chơi lô đề dẫn đến nợ nần. Vợ chồng đã có khoảng thời gian dài sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàn và ý kiến của anh H không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Chị Hoàn, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàn đối với anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Hoàn, anh H có 01 con chung là Đoàn Minh Quân, sinh ngày 13/10/2019. Ly hôn, chị Hoàn xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và được anh H đồng ý. Hơn nữa, hiện nay cháu Quân còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, cần giao cháu Quân cho chị Hoàn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc để đảm bảo cho cháu Quân phát triển tốt về mọi mặt là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàn yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000đ/ tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh H đồng ý. Vì vậy cần buộc anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị Hoàn với số tiền là 2.000.000đ/ tháng là phù hợp theo quy định.

Anh Đoàn Văn H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Chị Hoàn, anh H có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàn, anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Hoàn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị TH được ly hôn anh Đoàn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị TH trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đoàn Minh Quân, sinh ngày 13/10/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Hoàn là 2.000.000 đồng/ 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh Đoàn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Chị Hoàn, anh H có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Hoàn, anh H không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị TH pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Hoàn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012666 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh BG. Xác nhận chị Hoàn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đoàn Văn H pH chịu số tiền 150.000 án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang